Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 0307.29.30

Mã HS	0307.29.30
Mô tả hàng hóa	Động vật thân mềm, đã hoặc chưa bóc mai, vỏ, sống, tươi, ướp lạnh, đông lạnh, khô, muối hoặc ngâm nước muối; động vật thân mềm hun khói, đã hoặc chưa bóc mai, vỏ, đã hoặc chưa làm chín trước hoặc trong quá trình hun khói / - Điệp và các loài động vật thân mềm khác thuộc họ Pectinidae: / - - Loại khác: / - - - Khô, muối hoặc ngâm nước muối
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	04/11/2026 01:38:14
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/03072930/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	15	15%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K679
Thuế NK ưu đãi (MFN)	10	10%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N679
Thuế GTGT (VAT)	*/5/8/10	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q679
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ679
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VNCU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2023 - 2027	VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0/2	0 / 2 (nhiều mức)	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Cần diễn giải
AKFTA	0/0(-MY)	0/0(-MY)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Cần diễn giải
RCEP (Phụ lục A)	0/5	0 / 5 (nhiều mức)	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Cần diễn giải
RCEP (Phụ lục B)	0/5	0 / 5 (nhiều mức)	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Cần diễn giải

RCEP (Phụ lục C)	0/5	0 / 5 (nhiều mức)	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Cần diễn giải
RCEP (Phụ lục D)	0/5,5	0 / 5,5 (nhiều mức)	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Cần diễn giải
RCEP (Phụ lục E)	0/5	0 / 5 (nhiều mức)	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Cần diễn giải
RCEP (Phụ lục F)	0/5	0 / 5 (nhiều mức)	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Cần diễn giải
VCFTA	2/2	2 / 2 (nhiều mức)	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Cần diễn giải
VN-EAEU	0/0	0 / 0 (nhiều mức)	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Cần diễn giải
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E677
ATIGA	2022	2022	0	AT!E678
ATIGA	2023	2023	0	AT!F678
ATIGA	2024	2024	0	AT!G678
ATIGA	2025	2025	0	AT!H678
ATIGA	2026	2026	0	AT!I678
ATIGA	2027	2027	0	AT!J678
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E680
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F680
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G680
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H680

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I680
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J680
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E682
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F682
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G682
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H682
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I682
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J682
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)			AK!680
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H679
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F680
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G680
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H680
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I680
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J680
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K680
VKFTA	2022	2022	0	VK!E678
VKFTA	2023	2023	0	VK!F678
VKFTA	2024	2024	0	VK!G678
VKFTA	2025	2025	0	VK!H678
VKFTA	2026	2026	0	VK!I678
VKFTA	2027	2027	0	VK!J678
VCFTA	2022	2022		VC!685
VCFTA	2023	2023		VC!685
VCFTA	2024	2024		VC!685
VCFTA	2025	2025		VC!685

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026		VC!685
VCFTA	2027	2027		VC!685
VN-EAEU	2022	2022		EAV!682
VN-EAEU	2023	2023		EAV!682
VN-EAEU	2024	2024		EAV!682
VN-EAEU	2025	2025		EAV!682
VN-EAEU	2026	2026		EAV!682
VN-EAEU	2027	2027		EAV!682
VNCU	2022	2022	0	VNCU!D163
VNCU	2023 - 2027		0	VNCU!E163
AHKFTA	2022	2022		AKH!691
AHKFTA	2023	2023		AKH!691
AHKFTA	2024	2024		AKH!691
AHKFTA	2025	2025		AKH!691
AHKFTA	2026	2026		AKH!691
AHKFTA	2027	2027		AKH!691
EVFTA	2022	2022	2,5	EV-NK!D679
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E679
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F679
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G679
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H679
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I679
UKVFTA	2022	2022	2,5	UKV!D681
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E681
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F681
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G681

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H681
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I681
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D679
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E679
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F679
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G679
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H679
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I679
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J679
RCEP A	2022	2022		RCEPT-A!678
RCEP A	2023	2023		RCEPT-A!678
RCEP A	2024	2024		RCEPT-A!678
RCEP A	2025	2025		RCEPT-A!678
RCEP A	2026	2026		RCEPT-A!678
RCEP A	2027	2027		RCEPT-A!678
RCEP B	2022	2022		B!678
RCEP B	2023	2023		B!678
RCEP B	2024	2024		B!678
RCEP B	2025	2025		B!678
RCEP B	2026	2026		B!678
RCEP B	2027	2027		B!678
RCEP C	2022	2022		C!678
RCEP C	2023	2023		C!678
RCEP C	2024	2024		C!678
RCEP C	2025	2025		C!678
RCEP C	2026	2026		C!678

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027		C!678
RCEP D	2022	2022		D!678
RCEP D	2023	2023		D!678
RCEP D	2024	2024		D!678
RCEP D	2025	2025		D!678
RCEP D	2026	2026		D!678
RCEP D	2027	2027		D!678
RCEP E	2022	2022		E!678
RCEP E	2023	2023		E!678
RCEP E	2024	2024		E!678
RCEP E	2025	2025		E!678
RCEP E	2026	2026		E!678
RCEP E	2027	2027		E!678
RCEP F	2022	2022		F!678
RCEP F	2023	2023		F!678
RCEP F	2024	2024		F!678
RCEP F	2025	2025		F!678
RCEP F	2026	2026		F!678
RCEP F	2027	2027		F!678
VIFTA	2024	2024	*	VI!F668
VIFTA	2025	2025	*	VI!G668
VIFTA	2026	2026	*	VI!H668
VIFTA	2027	2027	*	VI!I668

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 34/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 0307.29 có 2 dòng thuế; dòng 0307.29.30 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Khô, muối hoặc ngâm nước muối.	0307.29.40 Hun khói	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “*/5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 0307.29.30. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 10% của mã 0307.29.30 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N679), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.